ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Quan hệ công chúng — Khóa: 2026
Trình độ: Đại học — Hình thức đào tạo: Chính quy
(ban hành kèm theo Quyết định số 2495/QĐ-ĐHSP ngày 31 /12/2025 của Hiệu trưởng)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
Khối kiến thức: GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			**26**	**304**	**86**		
1	31621549	Pháp luật đại cương	2	22	8		
2	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	8	21221904	
3	00101265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(15)		
4	00101266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(15)		
5	00101267	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(15)		
6	00101268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(15)		
7	00201264	Giáo dục quốc phòng	(0)	(0)	(60)		
8	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	22	8	21231902	
9	21231902	Triết học Mác - Lênin	3	30	15		
10	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	22	8	21321901	
11	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	9	21221903	
12	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	3	30	15		
		Học phần tự chọn	**10**	**135**	**15**		
13	31132001	*Công nghệ số cơ bản*	3	30	15		
14	41232001	*Tiếng Anh B1.1*	3	45	0		
15	41242002	*Tiếng Anh B1.2*	4	60	0		
Khối kiến thức: CƠ SỞ NGÀNH			**22**	**199**	**131**		
16	31721993	Xã hội học đại cương	2	20	10		
17	31731073	Lí thuyết truyền thông	3	22	23		
18	31721115	Tâm lí học truyền thông	2	15	15		
19	31721117	Truyền thông đại chúng và dư luận xã hội	2	15	15		
20	31721137	Văn hóa đại chúng	2	21	9		
21	31822002	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội	2	20	10		
22	31722001	Mỹ học đại cương	2	15	15		
23	31734885	Ngôn ngữ truyền thông	3	30	15		
		Học phần tự chọn	**4**	**41**	**19**		
24	31721091	*Cơ sở văn hóa Việt Nam*	2	21	9		
25	31728010	*Văn học và nghệ thuật đương đại*	2	20	10		
Khối kiến thức: CỐT LÕI NGÀNH			**51**	**417**	**438**		
26	31738165	Xây dựng và quản trị thương hiệu	3	30	15	31728179	
27	31731116	Marketing căn bản	3	30	15		
28	31721118	Thông hiểu thông tin - truyền thông	2	15	15		
29	31731120	Pháp luật và đạo đức quan hệ công chúng	3	23	22	31721119	
30	31721121	Quan hệ công chúng doanh nghiệp	2	22	8	31721119	
31	31731122	Quan hệ công chúng chính phủ và phi chính phủ	3	33	12	31721119	
32	31731128	Truyền thông xã hội	3	28	17	31728179	
33	31731152	Tiếp thị kĩ thuật số	3	30	15	31728179	
34	31731058	Quảng cáo	3	22	23		
35	31721119	Nhập môn quan hệ công chúng	2	15	15		
36	31728712	Nghiên cứu truyền thông	2	15	15	31822002	
37	31728179	Truyền thông Marketing	2	20	10	31731116	
38	31728188	Quan hệ công chúng và báo chí	2	15	15	31721119	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
		Học phần tự chọn	**18**	**119**	**241**		
39	31731153	*Quản trị khách hàng và doanh nghiệp truyền thông*	3	25	20		
40	31738112	*Công chúng truyền thông*	3	25	20		
41	32038033	*Quản trị nhân sự*	3	39	6		
42	31738033	*Truyền thông nội bộ*	3	30	15	31728179	
43	31761108	*Khóa luận tốt nghiệp*	6	0	180		
Khối kiến thức: THỰC TẬP VÀ TRẢI NGHIỆM			**55**	**402**	**543**		
44	31738065	Kĩ năng viết cho quan hệ công chúng	3	25	20		
45	31748030	Sản xuất sản phẩm truyền thông nghe nhìn	4	20	40	31738002	
46	31738008	Thiết kế đa phương tiện	3	18	27		
47	31728007	Tiếng Anh chuyên ngành truyền thông	2	15	15		
48	31738006	Sản xuất và quản lý nội dung website	3	30	15	31738008	
49	31738005	Xử lý khủng hoảng truyền thông	3	37	8	31728179	
50	31728004	Nhiếp ảnh	2	15	15		
51	31738002	Kĩ thuật quay phim và hậu kì đa phương tiện	3	15	30		
52	31731136	Sản xuất sản phẩm truyền thông in ấn	3	30	15	31738008	
53	31731125	Tổ chức sự kiện	3	30	15		
54	31731124	Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn báo chí	3	25	20		
55	31731123	Xây dựng chiến lược và quản trị chiến dịch quan hệ công chúng	3	25	20	31728179	
56	31741103	Thực tập tốt nghiệp	4	0	120		
57	31721098	Kiến tập	2	0	60		
58	31722121	Kĩ năng dẫn chương trình	2	15	15		
		Học phần tự chọn	**12**	**102**	**108**		
59	31728877	*Thực hành văn bản tiếng Việt*	2	15	15		
60	31738031	*Nghiên cứu thị trường*	3	35	10		
61	31738011	*Kỹ năng giao tiếp và đàm phán*	3	30	15		
62	31721150	*Thực tế chuyên môn*	2	0	60		
63	31621006	*Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp*	2	22	8		
TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO			**154**	**1322**	**1198**		
Tổng số tín chỉ bắt buộc			**110**	**925**	**815**		
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			**20**				

Lưu ý:

- Phải tích luỹ tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích luỹ toàn khoá học).

*- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *.*

- Học phần giảng dạy bằng tiếng Anh là học phần có gắn ký hiệu chữ "A".

TRƯỞNG NGÀNH | **TRƯỞNG KHOA** | **KT. HIỆU TRƯỞNG**
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Yến Minh

Hồ Trần Ngọc Oanh

TS. Phan Đức Tuấn

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Ngành: Quan hệ công chúng — Khóa: 2026
Trình độ: Đại học — Hình thức đào tạo: Chính quy
(ban hành kèm theo Quyết định số 2495/QĐ-ĐHSP ngày 31/12/2025 của Hiệu trưởng)

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
1	00101265	Giáo dục thể chất 1	1	0	15		
	31731073	Lí thuyết truyền thông	3	22	23		
	31731116	Marketing căn bản	3	30	15		
	31734885	Ngôn ngữ truyền thông	3	30	15		
	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	3	30	15		
		Số tín chỉ trong kỳ	**12**	**112**	**68**		
2	00101266	Giáo dục thể chất 2	1	0	15		
	31621549	Pháp luật đại cương	2	22	8		
	31721119	Nhập môn quan hệ công chúng	2	15	15		
	31721121	Quan hệ công chúng doanh nghiệp	2	22	8	31721119	
	31721993	Xã hội học đại cương	2	20	10		
	31728179	Truyền thông Marketing	2	20	10	31731116	
		Học phần tự chọn					
	31132001	*Công nghệ số cơ bản*	3	30	15		
		Số tín chỉ trong kỳ	**13**	**129**	**66**		
3	00201264	Giáo dục quốc phòng	0	0	60		
	21231902	Triết học Mác - Lênin	3	30	15		
	31721118	Thông hiểu thông tin - truyền thông	2	15	15		
	31721137	Văn hóa đại chúng	2	21	9		
	31731122	Quan hệ công chúng chính phủ và phi chính phủ	3	33	12	31721119	
		Học phần tự chọn					
	31728010	*Văn học và nghệ thuật đương đại*	2	20	10		
		Số tín chỉ trong kỳ	**12**	**119**	**61**		
4	00101267	Giáo dục thể chất 3	1	0	15		
	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	22	8	21231902	
	31721117	Truyền thông đại chúng và dư luận xã hội	2	15	15		
	31728004	Nhiếp ảnh	2	15	15		
	31738008	Thiết kế đa phương tiện	3	18	27		
	31738065	Kĩ năng viết cho quan hệ công chúng	3	25	20		
	31822002	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội	2	20	10		
		Học phần tự chọn					
	41232001	*Tiếng Anh B1.1*	3	45	0		
		Số tín chỉ trong kỳ	**17**	**160**	**95**		
5	00101268	Giáo dục thể chất 4	1	0	15		
	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	22	8	21321901	
	31722001	Mỹ học đại cương	2	15	15		
	31722121	Kĩ năng dẫn chương trình	2	15	15		
	31731136	Sản xuất sản phẩm truyền thông in ấn	3	30	15	31738008	
	31738002	Kĩ thuật quay phim và hậu kì đa phương tiện	3	15	30		
		Học phần tự chọn					
	41242002	*Tiếng Anh B1.2*	4	60	0		
		Số tín chỉ trong kỳ	**16**	**157**	**83**		
6	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	9	21221903	
	31728188	Quan hệ công chúng và báo chí	2	15	15	31721119	
	31728712	Nghiên cứu truyền thông	2	15	15	31822002	
	31731124	Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn báo chí	3	25	20		

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
6	31748030	Sản xuất sản phẩm truyền thông nghe nhìn	4	20	40	31738002	
		Học phần tự chọn					
	31738031	*Nghiên cứu thị trường*	3	35	10		
		Số tín chỉ trong kỳ	**16**	**131**	**109**		
7	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	8	21221904	
	31731123	Xây dựng chiến lược và quản trị chiến dịch quan hệ công chúng	3	25	20	31728179	
	31731152	Tiếp thị kĩ thuật số	3	30	15	31728179	
	31738006	Sản xuất và quản lý nội dung website	3	30	15	31738008	
	31738165	Xây dựng và quản trị thương hiệu	3	30	15	31728179	
		Học phần tự chọn					
	31738011	*Kỹ năng giao tiếp và đàm phán*	3	30	15		
		Số tín chỉ trong kỳ	**17**	**167**	**88**		
8	31731058	Quảng cáo	3	22	23		
	31731120	Pháp luật và đạo đức quan hệ công chúng	3	23	22	31721119	
	31731125	Tổ chức sự kiện	3	30	15		
	31731128	Truyền thông xã hội	3	28	17	31728179	
		Học phần tự chọn					
	31738033	*Truyền thông nội bộ*	3	30	15	31728179	
		Số tín chỉ trong kỳ	**15**	**133**	**92**		
9	31721098	Kiến tập	2	0	60		
	31721115	Tâm lí học truyền thông	2	15	15		
	31728007	Tiếng Anh chuyên ngành truyền thông	2	15	15		
	31738005	Xử lý khủng hoảng truyền thông	3	37	8	31728179	
		Học phần tự chọn					
	31721150	*Thực tế chuyên môn*	2	0	60		
		Số tín chỉ trong kỳ	**11**	**67**	**158**		
10	31741103	Thực tập tốt nghiệp	4	0	120		
		Học phần tự chọn					
	31721091	*Cơ sở văn hóa Việt Nam*	2	21	9		
	31728877	*Thực hành văn bản tiếng Việt*	2	15	15		
		Số tín chỉ trong kỳ	**8**	**36**	**144**		
11		**Học phần tự chọn**					
	31621006	*Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp*	2	22	8		
	31731153	*Quản trị khách hàng và doanh nghiệp truyền thông*	3	25	20		
	31738112	*Công chúng truyền thông*	3	25	20		
	31761108	*Khóa luận tốt nghiệp*	6	0	180		
	32038033	*Quản trị nhân sự*	3	39	6		
		Số tín chỉ trong kỳ	**17**	**111**	**234**		

Lưu ý:

- Phải tích luỹ tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích luỹ toàn khoá học).

*- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *.*

- Học phần giảng dạy bằng tiếng Anh là học phần có gắn ký hiệu chữ "A".

TRƯỞNG NGÀNH **TRƯỞNG KHOA** **HIỆU TRƯỞNG** **PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Trần Thị Yến Minh

ThsTrần Ngọc Oanh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

TS. Phan Đức Tuấn